

Name:

Class: S4...

Tel: 034 200 9294

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày.../....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày.../....

Vocabulary & Grammar:

Listening:

Mini Test:



GLOBAL ENGLISH 4

UNIT 3 – HOMES: VOCABULARY 2 & KET SPEAKING

A. VOCABULARY

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	enormous (adj)	to lớn, khổng lồ	9	solar panel (n.phr)	tấm pin năng lượng mặt trời
2	spacious (adj)	rộng rãi	10	mud (n)	bùn, sình
3	comfortable (adj)	thoải mái	11	efficiently (adv)	hiệu quả, năng suất
4	charger (n)	bộ nạp điện	12	water tub (n)	bồn tắm
5	modern (adj)	hiện đại	13	colourful (adj)	đầy màu sắc
6	grand (adj)	hùng vĩ, rất lớn, quan trọng	14	local materials (plr.n)	vật liệu địa phương
7	relaxing (adj)	thư giãn	15	appliances (plr.n)	thiết bị, dụng cụ
8	mysterious (adj)	thần bí, huyền bí	16	wooden (adj)	làm bằng gỗ

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	racing car (n.phr)	xe đua	4	leaving present (n.phr)	quà chia tay
2	frightening creature (n.phr)	sinh vật đáng sợ	5	DVD player (n)	đầu đĩa DVD
3	chopsticks (plr.n)	đôi đũa	6	cafeteria (n)	quán ăn tự phục vụ

- ❖ **Note:** n = Noun: Danh từ, adj = Adjective: Tính từ, adv = Adverb: Trạng từ, plr.n = Plural Noun: Danh từ số nhiều, v = Verb: Động từ, n.phr = Noun Phrase: Cụm danh từ.
- ❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

I. Choose the correct answer.

0. Mary's house is _____ - it has 8 bedrooms and 2 kitchens!

A. enormous

B. colourful

C. tiny

1. My aunt's house is very _____. It has large rooms.

A. mysterious

B. wooden

C. spacious

2. The living room has a soft and _____ sofa.
A. mud B. comfortable C. efficiently
3. The old and dark house at the end of the street looks very _____.
A. colourful B. mysterious C. modern
4. The apartments are very _____ with smart *technology* (công nghệ).
A. wooden B. modern C. colourful
5. In our town, there are some _____ houses near the beach - blue, pink, yellow and green.
A. grand B. appliances C. colourful

II. Match each word in the box with a definition.

mud	detached house	charger	local materials	appliances	solar panel
-----	---------------------------	---------	-----------------	------------	-------------

Words	Definitions
0. detached house	<i>this house does not touch any other buildings</i>
1. _____	a tool to put <i>electricity</i> (điện) into a <i>battery</i> (pin)
2. _____	things that come from the <i>nearby</i> (gần) place
3. _____	machines made to do jobs in the home, like cooking or cleaning
4. _____	a thing that uses the sun to make electricity
5. _____	<i>soft</i> (mềm) and <i>sticky</i> (dính) wet <i>soil</i> (đất)

III. Complete the sentences using the adjectives in the box. Use the Superlative form.

tall	hot	long	funny	popular	delicious
-----------------	-----	------	-------	---------	-----------

0. I am the tallest person in my family.
1. This is _____ cake I have ever tasted.
2. This is _____ toy in the shop. Everybody wants it.
3. Summer is _____ season of the year.
4. That was _____ movie I saw last weekend. I laughed a lot.
5. *The Great Wall of China* (Vạn Lý Trường Thành) is one of the _____
structures (công trình) in the world.

Part 3

– 5 questions –

What did Mrs Green buy for each person?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



Emma



Sally



Oliver



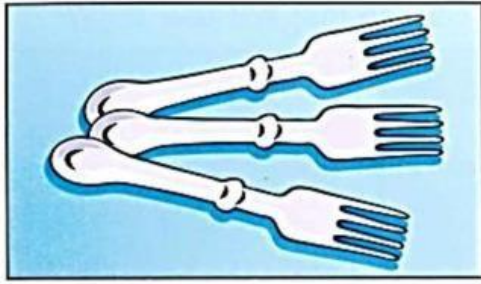
Michael



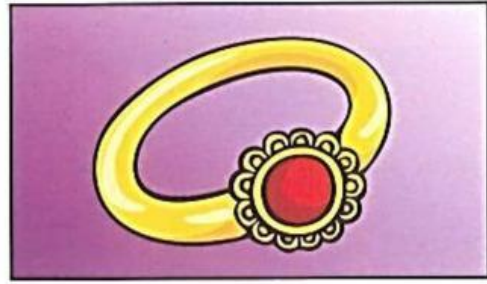
Kim



Jane



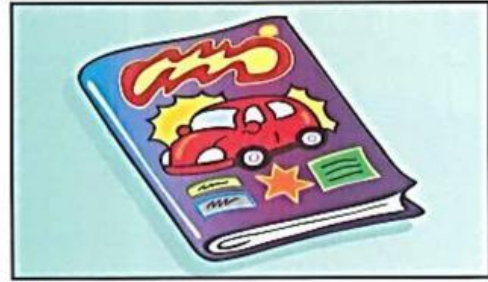
A



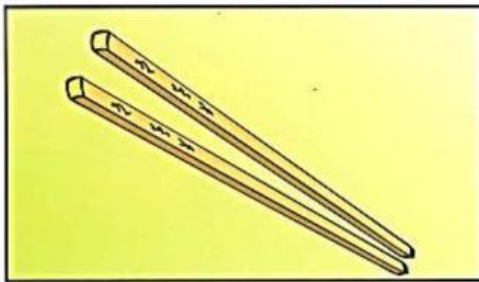
B



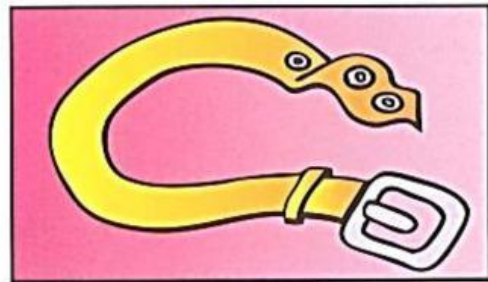
C



D



E



F



G



H

Con làm bài nghe theo link sau:

https://drive.google.com/file/d/1V1yWVwH9MxPK-Z2i2zFMzuK_7GgIMgrr/view?usp=drive_link

PART 2 Questions 6-10

For each question, write the correct answer in the gap. Write ONE WORD or a number or a date or a time.

You will hear a teacher talking to a group of students about a leaving present for another teacher.

Mr. Snow's leaving present

- Teacher leaves next: *month*
- His age: (6)
- Money still needed: (7) £
- The present: (8) DVD
- Day of party: (9)
- Party's time: (10) pm

